

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 449/2024/DS-PT
Ngày: 09-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp
vốn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thùy Trang;
Bà Phạm Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Anh Thư, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2024/TLPT-DS, ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2024/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 361/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Tố L**, sinh năm 1986; địa chỉ: **Tổ I, khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh**; vắng mặt có ủy quyền.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1992; nơi cư trú: **Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh** là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ký ngày 29-3-2024); có mặt.

- **Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên K**; địa chỉ đăng ký trụ sở: **Tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Đỗ Anh T**, chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của công ty: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1983; nơi cư trú: **Khu phố B, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Đỗ Anh T**, sinh năm 1978; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: **Số A, đường K, phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**; nơi cư trú hiện nay: **Số A, hẻm D, đường N, Khu phố F, Phường I, thành phố T, tỉnh Tây Ninh**; có mặt.

- *Người kháng cáo:* **Công ty TNHH Một thành viên K** cát Thông Thuận Liên Hoàng là bị đơn và ông **Lê Đỗ Anh T** người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 19-8-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cùng người đại diện hợp pháp chị **Nguyễn Thị M** trình bày:*

Chị **L** và ông **Lê Đỗ Anh T** là Chủ tịch kiêm Giám đốc **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K** (gọi tắt là Công ty) có gặp gỡ, trao đổi, thỏa thuận với nhau, theo thỏa thuận thì chị **L** góp vốn vào Công ty để mở rộng việc kinh doanh khai thác cát của Công ty.

Từ ngày 08-8-2017 đến ngày 09-5-2018 chị **L** có chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông **Lê Đỗ Anh T** nhiều lần và 01 lần giao số tiền 200.000.000 đồng trực tiếp, tổng cộng chị **L** đã giao cho ông **T** số tiền 5.500.000.000 đồng. Ngày 23-11-2018 ông **T** chủ trì mở cuộc họp thống nhất xác định lập dự án xin phép khai thác và đầu tư khai thác cát, với tổng số vốn là 21.000.000.000 (hai mươi một tỷ) đồng. Trong đó, ông **T** phải góp số tiền 8.400.000.000 (tám tỷ, bốn trăm triệu) đồng tương đương 40% cổ phần, ông **Huỳnh Văn C** phải góp số tiền 6.300.000.000 (sáu tỷ, ba trăm triệu) đồng tương đương 30% cổ phần và chị **Huỳnh Tố L** phải góp số tiền 6.300.000.000 (sáu tỷ, ba trăm triệu) đồng, tương đương 30% cổ phần. Tại cuộc họp ông **T**, ông **C** và chị **L** cùng thống nhất ông **T** thực hiện đã góp vốn vào ngày 16-10-2018 số tiền 5.500.000.000 (năm tỷ, năm trăm triệu) đồng, chị **L** thực hiện đã góp vốn vào ngày 16-10-2018 số tiền 5.500.000.000 (năm tỷ, năm trăm triệu) đồng, ông **C** thực hiện đã góp vốn vào ngày 16-10-2018 số tiền 3.000.000.000 (năm tỷ) đồng. Cũng tại cuộc họp ngày 23-11-2018 chị **L** cùng ông **C**, ông **T** thống nhất với nhau là sau cuộc họp ông **T** phải có nghĩa vụ làm thủ tục bổ sung chị **L**, ông **C** vào làm thành viên Công ty, thay đổi giấy đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lại vốn điều lệ của doanh nghiệp, xin giấy phép khai thác và tiến hành khai thác cát trên địa bàn **huyện T**. Tuy nhiên, từ khi họp đến nay ông **T** không thực hiện những công việc nêu trên làm ảnh

hưởng đến quyền lợi của chị L và chị L có gặp ông T nhiều lần để yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ đã thống nhất tại cuộc họp nhưng ông T không thực hiện cũng không trả tiền lại cho chị L.

Qua quá trình xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm, Tòa án cấp cao đã hủy bản án sơ, phúc thẩm giao về giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Trước khi bản án sơ phúc thẩm bị hủy thì chị có yêu cầu thi hành án và được xác định Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K không có trụ sở ổn định và không có tài sản.

Do số tiền chị L chuyển vào tài khoản cá nhân của ông T nên nay chị L yêu cầu ông Lê Đỗ Anh T cùng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị L số tiền 5.500.000.000 (năm tỷ, năm trăm triệu) đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 23-11-2018 cho đến khi vụ án được giải quyết xong (tạm tính đến 31-5-2024 = 3.026.000.000 đồng).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K khai thác cát Thông Thuận Liên Hoàng, ông Lê Đỗ Anh T trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K (gọi tắt là Công tK) chưa có ký hợp đồng góp vốn với chị Huỳnh Tố L. Giữa Công ty với chị Huỳnh Tố L chỉ thực hiện giao kết với nhau theo thỏa thuận tại “Biên bản họp ngày 23-11-2018” và “Giấy chứng nhận phần vốn góp” ký ngày 01-06-2018.

Lý do có Giấy chứng nhận phần vốn góp, ký ngày 01-06-2018, nhằm mục đích giúp cho chị Huỳnh Tố L thực hiện vay vốn Ngân hàng để làm vốn kinh doanh chứ chị L cũng không cung cấp được chứng cứ thể hiện chị L nộp tiền góp vốn vào Công ty hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Công ty.

Đối với nội dung cuộc họp tại Biên bản họp ngày 23-11-2018 là thể hiện ý chí của các bên muốn góp vốn vào Công ty và Công ty cần có số tiền 21.000.000.000 (hai mươi một tỷ) đồng để thực hiện dự án mở cát “Giấy phép Suối Bà Chiêm” của Công ty nên chị L và ông đồng ý, thống nhất kêu gọi thêm người đầu tư là ông Huỳnh Văn C. Nội dung Biên bản họp, ngày 23-11-2018 thể hiện ý chí của các thành viên là đồng ý góp vốn đầu tư, nhưng thực tế các bên kết luận “Tất cả các thành viên đã đọc và đồng ý. Đồng thời thống nhất tiến hành thành lập sổ quỹ thu, chi nội bộ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K khai thác cát Thông Thuận Liên Hoàng” để chứng nhận các thành viên mới thực góp vốn là (tiền mặt) vào cho dự án khai thác cát của Công ty. Nhưng trong giai đoạn này chị L chưa có góp tiền như đã thống nhất tại cuộc họp ngày 23-11-2018.

Đối với các lần chị Huỳnh Tố L chuyển tiền vào tài khoản cá nhân ông từ ngày 20-10-2017 đến ngày 09-05-2018 gồm 14 lần, thì ông đã nộp thay cho chị L vào Công ty (thể hiện tại các phiếu nộp tiền), cụ thể các lần như sau:

1. Ngày 20-10-2017, chị L chuyển số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Huỳnh Tố L chuyển khoản giấy phép cát Suối Bà C - Thượng”;

2. Ngày 19-12-2017, bà Nguyễn Thị H chuyển số tiền 950.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Nguyễn Thị H chuyển khoản giấy phép cát Suối Bà C - Thượng”;

3. Ngày 20-12-2017, chị L chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà C, tổng cộng 01 tỷ”;

4. Ngày 02-01-2018, chị L chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Chuyển khoản anh T”;

5. Ngày 03-01-2018, chị L chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

6. Ngày 03-01-2018, chị L chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

7. Ngày 03-01-2018, chị L chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

8. Ngày 03-01-2018, chị L chuyển số tiền 70.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép Suối Bà Chiêm, tổng cộng 500.000.000”;

9. Ngày 03-01-2018, chị L chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

10. Ngày 04-5-2018, chị L chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

11. Ngày 04-5-2018, chị L chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

12. Ngày 09-5-2018, chị L chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

13. Ngày 09-5-2018, chị L chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

14. Ngày 09-5-2018, chị L chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

Như vậy, tổng cộng số tiền chị L chuyển vào tài khoản của ông là 2.500.000.000 (hai tỷ, năm trăm triệu) đồng; trong đó có 13 lần chị L trực tiếp chuyển khoản, tổng số tiền là 1.550.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm năm mươi triệu) đồng và 01 lần bà Nguyễn Thị H chuyển khoản với số tiền 950.000.000 (chín trăm, năm mươi triệu) đồng đều thể hiện mục đích chuyển tiền “Tiền giấy phép Suối Bà Chiêm”.

Để thực hiện dự án xin giấy phép khai thác cát, mỏ cát Suối Bà C là một dạng hình thức hợp đồng góp vốn hợp tác kinh doanh và căn cứ theo khoản 14 Điều 3, các

Điều 27, 28 của Luật đầu tư 2020 thì đây là hợp đồng được ký giữa các nhà đầu tư nhằm hợp tác kinh doanh, phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm theo quy định của pháp luật mà không thành lập tổ chức kinh tế. Nhưng đến ngày 04-07-2018 giữa chị **L** và ông có tiến hành ký xác nhận công nợ chị **Huỳnh Tố L** (tên thường gọi là **M1**) còn thiếu nợ ông số tiền 2.742.900.000 (hai tỷ, bảy trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm nghìn) đồng và hai bên thống nhất căn trừ số tiền chị **L** chuyển vào tài khoản ông: 2.742.900.000 đồng – 2.500.000.000 đồng = 242.900.000 đồng nên chị **L** còn nợ lại số tiền 242.900.000 đồng (hai trăm, bốn mươi hai triệu, chín trăm nghìn) đồng. Chị **L** thu lại giấy ghi nhận nợ bản chính và ông có chụp lại một bản ghi công nợ do chị **L** viết.

Do đó, với tư cách là người đại diện của Công ty ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Huỳnh Tố L** yêu cầu **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K** trả lại số tiền đã nhận 5.500.000.000 (năm tỷ, năm trăm triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày 23-11-2018 đến khi xét xử xong vụ án.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Đỗ Anh T** trình bày:*

Trong 16 lần chuyển tiền theo các chứng cứ chị **Huỳnh Tố L** nộp cho Tòa án gồm:

1. Ngày 08-8-2017, chị **L** chuyển số tiền 2.500.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “**Huỳnh Tố L** chuyển khoản theo HĐKT 0708/HĐKT-2017 KTC tại mỏ cát **Công ty K** và **Công ty K**”;

2. Ngày 12-10-2017, chị **L** chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “**Huỳnh Tố L** chuyển khoản thuê tàu - anh **T**”;

3. Ngày 20-10-2017, chị **L** chuyển số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “**Huỳnh Tố L** chuyển khoản giấy phép cát **Suối Bà C** - Thượng”;

4. Ngày 19-12-2017, chị **Nguyễn Thị H** chuyển số tiền 950.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “**Nguyễn Thị H** chuyển khoản giấy phép cát **Suối Bà C** - Thượng”;

5. Ngày 20-12-2017, chị **L** chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát **Suối Bà C**, tổng cộng 01 tỷ”;

6. Ngày 02-01-2018, chị **L** chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Chuyển khoản anh **T**”;

7. Ngày 03-01-2018, chị **L** chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

8. Ngày 03-01-2018, chị **L** chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

9. Ngày 03-01-2018, chị **L** chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản

của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

10. Ngày 03-01-2018, chị **L** chuyển số tiền 70.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép Suối Bà Chiêm, tổng cộng 500.000.000”;

11. Ngày 03-01-2018, chị **L** chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

12. Ngày 04-5-2018, chị **L** chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

13. Ngày 04-5-2018, chị **L** chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

14. Ngày 09-5-2018, chị **L** chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

15. Ngày 09-5-2018, chị **L** chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

16. Ngày 09-5-2018, chị **L** chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông với nội dung “Tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;

Trong 16 lần chị **L** cho rằng tổng số tiền nộp vào **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K** khai thác cát Thông Thuận Liên Hoàng thông qua tài khoản cá nhân ông thì có 14 lần với số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ, năm trăm triệu) đồng ông đã trình bày với tư cách là người đại diện **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K** Thông Thuận Liên Hoàng nêu trên; 01 lần chuyển số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ, năm trăm triệu) đồng vào ngày 08-08-2017, thể hiện nội dung “*Huỳnh Tố Liên chuyển khoản theo HĐKT 0708/HĐKT - 2017 KTC tại mỏ cát công ty K và công ty K C*” và 01 lần chuyển số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng vào ngày 12-10-2017 thể hiện nội dung “*Huỳnh Tố L chuyển khoản thuê tàu - anh T*” nên không liên quan đến nội dung góp vốn với **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K** cát Thông Thuận Liên Hoàng nên đề nghị tòa tách ra. Ngoài ra, chị **L** trình bày có 01 lần giao trực tiếp cho ông số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng là không có nên đề nghị tòa xem xét.

Do đó, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Huỳnh Tố L** yêu cầu **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K** trả lại số tiền đã nhận 5.500.000.000 (năm tỷ, năm trăm triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày 23-11-2018 đến khi xét xử xong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2024/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 117, 351, 360, 361 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Tố L đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K và ông Lê Đỗ Anh T về việc tranh chấp hợp đồng góp vốn. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K và ông Lê Đỗ Anh T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị Huỳnh Tố L số tiền gốc là 5.500.000.000 (năm tỷ, năm trăm triệu) đồng và tiền lãi 3.035.725.000 (ba tỷ, không trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng. Tổng cộng là 8.535.725.000 (tám tỷ, năm trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17-6-2024, ông Lê Đỗ Anh T là đại diện hợp pháp cho bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo và tại Bản tường trình chi tiết cho yêu cầu kháng cáo ngày 27-8-2024; ông Lê Đỗ Anh T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Tố L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung ý kiến trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đưa bà Nguyễn Thị Tố U là vợ của ông Lê Đỗ Anh T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vì số tiền góp vốn bà L chuyển cho tài khoản cá nhân của ông T và ông T giao cho bà U. Do đó, ông T và bà U phải có nghĩa vụ liên đới cùng với Công ty K H1 trả tiền cho bà Huỳnh Tố L.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đỗ Anh T thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày bổ sung: Qua 16 lần chuyển khoản của bà L cho tài khoản ông T thì có 01 lần chuyển khoản ngày 08-8-2027 với số tiền 2.500.000.000 đồng thể hiện nội dung “Huỳnh Tố Liên chuyển khoản theo HĐKT 0708/HĐKT - 2017 KTC tại mở cát công ty K và công ty K C” và 01 lần chuyển số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng vào ngày 12-10-2017 thể hiện nội dung “Huỳnh Tố L chuyển khoản thuê tàu - anh T” nên không liên quan đến nội dung góp vốn của bà L với Công ty K nên đề nghị tòa tách ra. Ngoài ra, bà L trình bày có 01 lần giao trực tiếp cho ông T số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, nhưng không có cơ sở chứng minh. Do đó đề nghị tòa Hội đồng xét xử xem xét trừ ra và số tiền này có liên quan đến công nợ giữa ông T và bà L tại “Biên bản đối chiếu công nợ” ngày 21-5-2018.

Đối với số tiền chuyển khoản của 13 lần của bà **L** là 1.550.000.000 đồng và của bà **Nguyễn Thị H** (mẹ bà **L**) chuyển khoản 01 lần là 950.000.000 đồng vào tài khoản ông **T**; tổng cộng là 2.500.000.000 đồng có liên quan đến tiền “giấy phép Suối Bà Chiêm”. Đối với số tiền này ông **T** đã nộp vào **Công ty K** và công ty đã chi trả cho bên tư vấn thực hiện giấy tờ pháp lý cho dự án “giấy phép Suối Bà Chiêm”; đã được quyết toán theo các Hợp đồng dịch vụ với ông **Lê Minh D** và thực tế **Công ty K** đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép số 1873/GP-UBND ngày 14-8-2017 và Quyết định số 939/QĐUBND ngày 06-4-2018 về phê duyệt dự lượng khoáng sản **Suối Bà C**.

Do đó, bà **L** khởi kiện yêu cầu trả số tiền 5.500.000.000 đồng là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

- Về nội dung: Căn cứ Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

+ Không chấp nhận kháng cáo của ông **Lê Đỗ Anh T** – đại diện theo pháp luật công ty TNHH MTV **K**.

+ Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST, ngày 06/6/2024; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh để giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà **Huỳnh Tố L** yêu cầu **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K** (sau đây gọi tắt là **Công ty K**) cùng ông **Lê Đỗ Anh T** có nghĩa vụ liên đới trả số tiền góp vốn 5.500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Thấy rằng, từ thời điểm thỏa thuận góp vốn đến khi phát sinh tranh chấp **Công ty K** và ông **T** không đưa bà **L** vào thành viên góp vốn của công ty và bà **L** cũng

không tranh chấp quyền lợi hay tranh chấp thành viên công ty, nên đây là giao dịch dân sự, không phải tranh chấp về kinh doanh thương mại.

Đồng thời, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K có địa chỉ đăng ký trụ sở tại tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, giữa Công ty với chị L giao kết hợp đồng góp vốn thực hiện trên địa bàn huyện T.

Do đó căn cứ các Điều 26, 35, 39, 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 6 năm 2024, ông Lê Đỗ Anh T là đại diện hợp pháp cho bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo. Qua xem xét, Đơn kháng cáo của ông T trong thời hạn luật định và hợp pháp theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Nguyên đơn bà Huỳnh Tố L khởi kiện yêu cầu bị đơn- Công ty K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đỗ Anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền đã góp vốn là 5.500.000.000 (năm tỷ) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tài liệu, chứng cứ bà L cung cấp cho rằng từ ngày 08-8-2017 đến ngày 09-5-2018 bà L có chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông Lê Đỗ Anh T 16 lần với số tiền 5.300.000.000 đồng và 01 lần giao tiền mặt 200.000.000 đồng, tổng cộng bà L đã giao cho ông T số tiền 5.500.000.000 đồng. Nên tại biên bản họp Công ty Thông Thuận Liên Hoàng ngày 23/11/2018, ông T chủ trì cuộc họp thống nhất xác định lập dự án xin phép khai thác và đầu tư khai thác cát, với tổng số vốn là 21 tỷ đồng. Trong đó: ông Lê Đỗ Anh T có 40% vốn góp tương ứng số tiền 8.400.000.000 đồng, đã góp vốn kinh doanh ngày 16/10/2018 số tiền 5.500.000.000 đồng, còn lại phải góp thêm 2.900.000.000 đồng; bà Huỳnh Tố L có 30% vốn góp tương ứng số tiền 6.300.000.000 đồng, đã góp vốn ngày 16/10/2018 số tiền 5,5 tỷ đồng, còn phải góp thêm 800.000.000 đồng; ông Huỳnh Văn C có 30% vốn góp tương ứng số tiền 6.300.000.000 đồng, đã góp vốn kinh doanh ngày 16/10/2018 số tiền 3.000.000.000 đồng; còn lại phải góp thêm 3.300.000.000 đồng (BL 05). Cũng tại cuộc họp ngày 23-11-2018 bà L cùng ông C, ông T thống nhất là sau cuộc họp ông T phải có nghĩa vụ làm thủ tục bổ sung bà L, ông C vào làm thành viên Công ty, thay đổi giấy đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lại vốn điều lệ của doanh nghiệp, xin giấy phép khai thác

và tiến hành khai thác cát trên địa bàn huyện T. Tuy nhiên, từ khi hợp đến nay ông T không thực hiện những công việc nêu trên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L. Nên bà L khởi kiện yêu cầu ông T và Công ty K có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền bà đã góp vốn 5.500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Lê Đỗ Anh T trình bày, trong 16 lần bà L nộp tiền vào Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K khai thác cát Thông Thuận Liên Hoàng thông qua tài khoản cá nhân ông T thì có 14 lần chuyển khoản với số tiền 2.500.000.000 đồng. Còn lại 01 lần chuyển số tiền 2.500.000.000 đồng vào ngày 08-08-2017, nội dung “Huỳnh Tố L chuyển khoản theo HĐKT 0708/HĐKT - 2017 KTC tại mỏ cát công ty K và công ty K” và 01 lần chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 12-10-2017 nội dung “Huỳnh Tố Liên chuyển khoản thuê tàu - anh T”, tổng cộng 2 lần chuyển khoản 2.800.000.000 đồng, số tiền này không liên quan đến nội dung góp vốn giữa bà L và công ty. Ngoài ra, bà L trình bày có 01 lần giao trực tiếp cho ông số tiền 200.000.000 đồng là không có vì ông không có nhận.

[3.2] Qua các tài liệu, chứng cứ của các bên, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian từ ngày 08-8-2017 đến ngày 09-5-2018 bà Huỳnh Tố L có thực hiện 16 giao dịch chuyển tiền vào tài khoản cá nhân ông Lê Đỗ Anh T – Giám đốc Công ty K, trong đó có 14 giao dịch chuyển 2.500.000.000 đồng có nội dung chuyển tiền “Giấy Phép Suối Bà Chiêm”. Tại phiên tòa, ông T thừa nhận bà L có chuyển khoản số tiền 2.500.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của ông với nội dung chuyển tiền “Giấy Phép Suối Bà Chiêm”; nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.3] Đối với số tiền 2.500.000.000 đồng bà L chuyển cho ông T vào ngày 08-08-2017, có nội dung “Huỳnh Tố Liên chuyển khoản theo HĐKT 0708/HĐKT - 2017 KTC tại mỏ cát công ty K và công ty K” và 01 lần chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 12-10-2017 có nội dung “Huỳnh Tố L chuyển khoản thuê tàu - anh T”. Tổng cộng 2 lần chuyển tiền là 2.800.000.000 đồng.

Ông T trình bày số tiền 2.500.000.000 đồng là tiền ký quỹ của Hợp đồng 0708 giữa Công ty K và Công ty K; còn số tiền 300.000.000 đồng là tiền thuê tàu; 02 khoản tiền này không có liên quan.

Bà L cho rằng đối với số tiền 2.500.000.000 đồng sau khi chấm dứt hợp đồng 0708 thì ông T phải có trách nhiệm trả lại số tiền đặt cọc, ký quỹ này; nhưng hai bên thống nhất đưa vào tiền góp vốn cho Công ty K và số tiền 300.000.000 đồng chuyển khoản bà L nhờ ông T thuê tàu, nhưng ông T không có thuê tàu; nên hai bên cũng thống nhất đưa vào tiền góp vốn cho Công ty K. Đó đó, tại Biên bản họp ngày 23-11-2018 ông T đã thống nhất ghi trong biên bản “bà L đã thực hiện góp vốn 5.500.000.000 đồng” vào Công ty K.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không cho đối chất làm rõ số tiền này.

[3.4] Theo biên bản họp Công ty Thông Thuận Liên Hoàng ngày 23/11/2018, thống nhất tiền đầu tư cho dự án khai thác cát là 21 tỷ đồng, trong đó: ông **Lê Đỗ Anh T** có 40% vốn góp tương ứng số tiền 8.400.000.000 đồng, bà **Huỳnh Tố L** có 30% vốn góp tương ứng số tiền 6.300.000.000 đồng và ông **Huỳnh Văn C** có 30% vốn góp tương ứng số tiền 6.300.000.000 đồng (BL 05); nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai ông **Huỳnh Văn C** cũng là thành viên góp vốn, để làm rõ về việc góp vốn, số tiền góp vốn giữa ông **T**, bà **L** và ông **C** vào **Công ty K**.

[3.5] Ngoài ra, sau khi nhận số tiền 2.500.000.000 đồng từ bà **L** (thông qua 14 giao dịch chuyển khoản) ông **Lê Đỗ Anh T** đại diện **Công ty K** ký các “phiếu thu” nhận tiền nộp thay cho bà **L** 2.500.000.000 đồng tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm và có Thủ quỹ công ty là bà **Nguyễn Thị Tố U** (trên thực tế bà **U** là vợ ông **T**) ký tên vào phiếu thu tiền. Tuy nhiên, sau khi ký phiếu thu nhận 2.500.000.000 đồng tiền góp vốn của bà **L** thì vợ chồng ông **T** và bà **Tố U** không nộp số tiền này vào tài khoản và sổ sách kế toán công ty và báo cáo tài chính với Cơ quan Thuế.

Thấy rằng, ông **T** và bà **Tố U** là vợ chồng và cùng ký tên nhận tiền góp vốn của bà **L** nhưng khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà **Nguyễn Thị Tố U** vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định trách nhiệm liên quan đến số tiền đã nhận từ bà **L** là chưa giải quyết triệt để vụ án, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

[4] Từ những nhận định nêu trên thấy rằng, có những vi phạm về tố tụng và nội dung của bản án sơ thẩm mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung

[5] Do hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo của **Công ty K** và ông **Lê Đỗ Anh T**

[6] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2024/DS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh để giải quyết lại theo quy định pháp luật.

2. Về án phí:

- Công ty K và ông Lê Đỗ Anh T không phải chịu án phí phúc thẩm; hoàn trả cho ông Lê Đỗ Anh T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu số: 0006350, ngày 19-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Về án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết khi vụ án thụ lý, giải quyết lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND.TTN;
- TAND huyện Tân Châu;
- CCTHADS huyện Tân Châu;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP TAND tỉnh;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Sang